TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày: 04/4/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**
- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông **Bạch Quốc Thống**

2/. Ông **Thạch Rích**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hường** - Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2017/TLST-DS, ngày 8 tháng 11 năm 2017 về việc "***Tranh chấp hợp đồng góp hụi*** " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2018 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 09A/2018/QĐST- DS ngày 13/03/2018 và thông báo số về việc thay đổi thời gian xét xử số 9B/2018/TB- TA ngày 26/3/2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967(có mặt).

Trú tại: số 156, ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. ***Bị đơn***: Bà **Trần Thị H, sinh năm 1988** và ông **Nguyễn Văn H** (vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 5 tháng 11 năm 2017; biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 19/8/2011, bà làm chủ hụi, có mở một dây hụi mùa 3.000.000đ, có 16 phần, bà H và ông H tham gia một phần, hốt lần thứ 12 bà giao tiền đủ cho bà H và ông H; bà H và ông H nợ lại hụi chết 4 lần bằng 12.000.000đ (3.000.000 x 4 = 12.000.000đ).

Dây hụi tháng 500.000đ mở ngày 29/9/2012, có 35 phần, bà H và ông H tham gia 2 phần:

Phần thứ 1: Bà H và ông H hốt lần thứ 15, bà giao đủ tiền cho bà H và ông H; bà H và ông H đóng hụi chết lại được 16 lần, nợ hụi chết lại 4 lần, bằng 2.000.000đ.

Phần thứ 2: Bà H và ông H hốt lần thứ 20, bà giao đủ tiền cho bà H và ông H; bà H và ông H đóng hụi chết lại được 11 lần, nợ hụi chết lại 4 lần, bằng 2.000.000đ.

Tổng cộng nợ: 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông H trả số tiền hụi còn thiếu 16.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/20117, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận có tham gia dây hụi mùa 3.000.000đ mỡ ngày 19/8/2011, còn nợ tiền hụi bà L 12.000.000đ.

Vào ngày 19/9/2012, bà có tham gia chơi dây hụi tháng do bà L làm chủ hụi, có 33 phần, mỗi phần 500.000đ, bà tham gia 02 phần.

Phần thứ 1: Bà hốt lần thứ 03, đóng hụi chết lại được 28 lần, nợ hụi chết lại 2 lần, bằng 1.000.000đ.

Phần thứ 2: Bà hốt lần thứ 05, đóng hụi chết lại được 26 lần, nợ hụi chết lại 2 lần, bằng 1.000.000đ.

Tổng cộng 02 dây hụi trên bà nợ bà Lệ là: 14.000.000đ.

Nay bà thừa nhận có thiếu bà Lệ 14.000.000đ tiền nợ hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà H và ông H đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông H.

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H trả: 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tiền nợ hụi.

Bà L cho rằng bà H và ông H nợ dây hụi mùa 3.000.000đ, 4 lần hụi chết bằng 12.000.000đ (3.000.000đ x 4 lần = 12.000.000đ); nợ dây hụi tháng 500.000đ, 02 phần:

Phần thứ 1: Nợ 04 lần hụi chết bằng 2.000.000đ (500.000đ x 4 lần = 2.000.000đ);

Phần thứ 2: Nợ 04 lần hụi chết bằng 2.000.000đ (500.000đ x 4 lần = 2.000.000đ), tổng cộng nợ 16.000.000đ(Mười sáu triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017, bà Hiền thừa nhận nợ dây hụi mùa 3.000.000đ, 4 lần hụi chết bằng 12.000.000đ (3.000.000đ x 4 lần = 12.000.000đ); nợ dây hụi tháng 500.000đ, 02 phần:

Phần thứ 1: Nợ 02 lần hụi chết bằng 1.000.000đ (500.000đ x 2 lần = 1.000.000đ);

Phần thứ 2: Nợ 02 lần hụi chết bằng 1.000.000đ (500.000đ x 2 lần =1.000.000đ), tổng cộng nợ bà Lệ 14.000.000đ(Mười bốn triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, bà L chấp nhận theo lời thừa nhận của bà H tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017 còn nợ 14.000.000đ, xin rút lại yêu cầu với số tiền 2.000.000đ.

Cũng tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017, bà L thừa nhận " Tờ cam kết nhận tiền hụi" ngày 6/7/2013 để tên họ Nguyễn Văn H là do bà H tự viết và ký tên H, chứ không phải chữ viết và chữ ký của ông H và việc tham gia chơi hụi trên là do bà H lại nhà bà xin tham gia chơi hụi, và khi bà H hốt hụi thì bà giao tiền cho bà H, còn việc ông H có biết không thì bà không biết.

Hội đồng xét xử thấy rằng bà L kiện yêu cầu bà H và ông H trả 16.000.000đ tiền hụi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2017, bà H thừa nhận còn nợ tiền hụi bà L 14.000.000đ và bà L chấp nhận theo lời thừa nhận của bà H. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng năm 2015, bà L không cần phải chứng minh, nên cần buộc bà H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền nợ hụi là 14.000.000đ là có căn cứ, còn tại phiên tòa hôm nay bà L xin rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 2.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu của bà L đối với số tiền 2.000.000đ.

Còn việc bà L yêu cầu ông H chồng bà H, cùng với bà H trả số tiền 14.000.000đ, là không có căn cứ. Vì bà không chứng minh được ông H tham gia chơi hụi và biết bà H tham gia chơi hụi với bà. Do đó nghĩ nên bác yêu cầu của bà đối với ông H là có cơ sở.

Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị L là có cơ sở chấp nhận một phần đối với bà H. Do đó áp dụng Điều 479; Điều 255; Điều 256 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của bà L kiện đòi bà H trả số tiền hụi 14.000.000đ là có căn cứ.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 14.000.000đ x 5% = 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận môt phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn H phải trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 14.000.000đ. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc khởi kiện đòi ông Nguyễn Văn H phải trả tiền hui mùa và hụi tháng, tổng công 14.000.000đ

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 479 Điều 255; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 30 Nghị Định 144/NĐ- CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị L kiện bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn H về việc " Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Buộc bà Trần Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền hụi: 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đối với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đông).

Bác một phần đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị L kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H cùng với bà Trần Thị H trả số tiền: 14.000.000đ(Mười bốn triệu đồng).

Về án phí:

Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 400.000đ, theo biên lai số: 0009831 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị H còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị L theo mức lãi suất 10% / năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh